TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2026
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

Bà Huỳnh Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long tham gia phiên toà*:* Ông Lư Thái Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thu B**, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt);

Căn cước công dân số: 0841.9200.8075; nơi thường trú: Ấp Tân Thành T, xã Tân H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Vũ X**, sinh năm 1987;

Căn cước công dân số: 0840.8701.0555; nơi thường trú: Ấp Sóc Tr, xã Tiểu C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2025 nguyên đơn chị Phan Thị Thu B trình bày có nội dung:

Chị Thu B xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Vũ X, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 17/4/2021.

Trong quá trình chung sống có con chung là Nguyễn Phan Ánh M, sinh ngày 27/02/2023 hiện đang sống chung với chị Thu B. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung nhau không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, trong cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi, anh X thường hay uống rượu và có những lời lẽ xúc phạm chị Thu B. Do hoàn cảnh kinh tế nên chị có đi làm ăn xa dẫn đến vợ chồng xa cách, tình cảm vợ chồng nhạt nhòa, không ai quan tâm chăm sóc ai. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh X nên chị yêu cầu được ly hôn.

Chị Phan Thị Thu B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 05/12/g:

Vào năm 2021, anh có xác lập quan hệ vợ chồng với chị Phan Thị Thu B và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Tân H, tỉnh Vĩnh Long). Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Phan Ánh M, sinh ngày 27/02/2023, hiện nay con chung đang sống chung với chị Thu B. Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có. Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể nào giải quyết cũng như hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng thường hay cự cãi, sống chung với nhau không còn hạnh phúc, nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay.

Nay chị Thu B yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh X yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phan Ánh M, sinh ngày 27/02/2023, anh X không yêu cầu chị Thu B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Vũ X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thu B và anh X thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị Thu B và anh X khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Thu B và anh X khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Về con chung: Chị Thu B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Ánh M, sinh ngày 27/02/2023, chị Thu B không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung; Anh X yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Ánh M, không yêu cầu chị Thu B cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Thu B được ly hôn với anh Nguyễn Vũ X; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Ánh M, sinh ngày 27/02/2023 cho chị Thu B tiếp tục nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thu B, anh Vũ X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thu B xác lập quan hệ hôn nhân với anh X và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Tân Hòa, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 17/4/2021 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay chị Thu B và anh X thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Phan Ánh M, sinh ngày 27/02/2023, chị Thu B và anh X đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phan Ánh M. Xét thấy từ ngày chị Thu B và anh X sống ly thân đến nay, cháu M do chị Thu B nuôi dưỡng. Hiện tại cháu M vẫn đang sống cùng chị Thu B, được chị trực tiếp chăm sóc, giáo dục và đang phát triển đầy đủ, ổn định về mọi mặt, cháu M là trẻ em gái, đang ở độ tuổi rất nhỏ, cực kỳ cần sự chăm sóc, vỗ về và gần gũi từ người mẹ để phát triển toàn diện về tâm sinh lý. Việc thay đổi môi trường sống và người

chăm sóc trực tiếp lúc này là không cần thiết, có thể gây xáo trộn tâm lý và ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bình thường của trẻ. Anh X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, tuy nhiên anh không cung cấp được các căn cứ chứng minh chị Thu B không đủ điều kiện để nuôi con, cũng không có thỏa thuận nào khác với chị Thu B về quyền nuôi con. Ngoài ra theo biên bản xác minh ngày 11/11/2025 thể hiện anh X đang sống với cha, mẹ ruột anh X, cha bị bệnh, mẹ lớn tuổi, hiện tại anh X có công việc là làm vườn, thu nhập không ổn định. Bên cạnh đó tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Nguyễn Phan Ánh M chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".* Hội đồng xét xử nhận thấy việc tiếp tục để chị Thu B nuôi dưỡng cháu M là đảm bảo tính ổn định cho cuộc sống của cháu, xét theo nguyên tắc ưu tiên quyền lợi tốt nhất của trẻ em dưới 36 tháng tuổi và trẻ em gái, yêu cầu của anh X là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định bác yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh X; chấp nhận yêu cầu của chị Thu B, giao cháu Nguyễn Phan Ánh M cho chị Thu B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Thu B là người trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Thu B và anh X khai không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Thu B và anh X khai không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Chị Thu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật

hoà giải, đối thoại tại Toà án. Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Thu B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Thu B được ly hôn với anh Nguyễn Vũ X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Ánh M, sinh ngày 27/02/2023 cho chị Phan Thị Thu B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Thu B không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Thu B khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Phan Thị Thu B khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Phan Thị Thu B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004487, ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Chị Thu B đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, tỉnh Vĩnh Long (chứng nhận kết hôn ngày 17/4/2021);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Hoa Lan